HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ ĐĂKTƠVER**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /NQ-HĐND	*Đăktơver, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đăktơver huyện Chư Păh tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐĂKTƠVER KHÓA VI- KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ Tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai điều chỉnh Nghị Quyết số 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về

việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Chư Păh; Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND huyện Chư Păh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã ĐăkTơVer, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 26/04//2022 của UBND huyện Chư Păh về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Tơ Ver, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định 227/QĐ-UBND ngày 31/05//2022 của UBND huyện Chư Păh về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Tơ Ver, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai;

Trên cơ sở đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã ĐăkTơVer, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Đăktơver về việc Thông qua đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đăktơver, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày ... tháng 7 năm 2022 của Ban kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã ĐăkTơVer, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, ranh giới:

Xã Đăk Tơ Ver có giới cận như sau:

+ Phía Đông: Giáp xã Đăk Sơ Mei, huyện Đak Đoa.

+ Phía Tây: Giáp xã Ia Khươl, huyện Chư Păh.

+ Phía Nam: Giáp xã Chư Đăng Ya, huyện Chư Păh và xã Đăk Krong, huyện Đak Đoa.

+ Phía Bắc: Giáp xã Hà Tây.

2.2. Quy mô:

- Tổng dân số toàn xã là: 2.702 nhân khẩu, sinh sống trong 599 hộ gia đình.
- Quy mô đất đai: 3.762,87 ha.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

3.1. Mục tiêu:

- Hoàn thiện việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Tơ Ver đến năm 2030 đảm bảo tính liên tục, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn quản lý tại địa phương.

- Cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên, định hướng phát triển không gian kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở,..theo hướng nhanh hơn, bền vững hơn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan các điểm dân cư trên địa bàn xã, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng

bước đồng bộ, góp phần ổn định đời sống cho người dân trên địa bàn xã, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư xây dựng, làm cơ sở triển khai quy hoạch chi tiết, quản lý trật tự xây dựng và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn.

3.2. Tính chất:

Là xã có tính chất quan trọng về An ninh - Quốc phòng.

Là xã sản xuất Nông - Lâm nghiệp, trọng điểm là trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và một số cây ăn quả khác...

3.3. Chức năng:

* Xác định các tiềm năng

- Là xã có quỹ đất có khả năng về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và có điều kiện phát triển các loại cây công nghiệp kết hợp với trồng mì, cà phê, cao su, bời lời.
- Có các tuyến giao thông thuận tiên cho việc giao lưu hàng hoá.
- Có quỹ đất đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.
- Là khu vực được nhà nước ưu đãi nhiều về chính sách đầu tư.
- Có cơ sở hạ tầng cấp vùng, được đầu tư theo hướng đồng bộ.

* Định hướng phát triển KT-XH

- Kết hợp phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng,
- Phát triển kinh tế nông nghiệp, chủ yếu là cây công nghiệp, cây mì, lúa nước, cao su, cà phê, bời lời, đậu đỗ các loại...
- Đầu tư công nghệ theo hướng sản xuất hiện đại, kết hợp với mô hình kinh tế trang trại, dịch vụ...
- Nâng cao chất lượng không gian sống, chú trọng tới không gian ở và hạ tầng xã hội.

4. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

4.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2020 là: 2.702 người.
- Quy mô dân số định hướng đến năm 2030: 3.759 người.

4.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2030: 3.421 người.

4.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Đăk Tơ Ver đến năm 2021: 3.762,87 ha.
- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2030: 3.762,87 ha.

4.4. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

*** Chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn:**

Stt	Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m^2/người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2
* *Ghi chú: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.*		

*** Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ:**

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Giáo dục			
a.Trường, điểm trường mầm non	50 chỗ/1.000 dân	12 m^2/chỗ	
- Vùng đồng bằng:			1 km
- Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:			2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học	65 chỗ/1.000 dân	10 m^2/chỗ	
- Vùng đồng bằng:			1 km
- Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:			2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m^2/chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã	1 trạm/xã		
- Không có vườn thuốc		500 m^2/trạm	
- Có vườn thuốc		1.000 m^2/trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng			
a. Nhà văn hóa		1.000 m^2/công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m^2/công trình	
c. Thư viện		200 m^2/công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m^2/cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ			
a. Chợ	1 chợ/xã	1.500 m^2	
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m^2	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m^2/điểm	

4.5. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

4.5.1. Cấp điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là ≥ 150 W/người.

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo lớn hơn 15% nhu cầu điện sinh hoạt.

4.5.2. Cấp nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu ≥ 60 lít/người/ngày đêm. Trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu ≥ 40 lít/người/ngày đêm.
- Nước rửa đường 0,4 lít/m^2/ngày đêm.

4.5.3. Thoát nước:

- Tối thiểu phải thu gom đạt ≥ 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý.

4.5.4. Rác thải sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0,9 kg/người-ngày;

4.5.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%.

5. Phân khu chức năng:

5.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Hạn chế chăn nuôi tại hộ gia đình
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 400m2/hộ.
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 40%.

5.2. Điểm dân cư tại thôn, làng:

- Các điểm dân cư tại các thôn, làng chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường liên thôn, đường sản xuất, chủ yếu là các khu dân cư tập trung.
- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh. Môi trường trong sạch.
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 1000 m2/hộ (400m2 đất ở và 600m2 đất vườn).
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 50 – 60 %.

5.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.
- Xây dựng mô hình nông nghiệp theo hướng khai thác thế mạnh riêng của xã, như: sản xuất rau an toàn, vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, vùng trồng cây ăn quả, vùng chăn nuôi.
- Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm từ các cây, con đặc sản của xã, tạo ra sản phẩm hàng hóa.
- Phát triển ngành lâm nghiệp làm chủ đạo trong cơ cấu kinh tế của xã trên

cơ sở phát triển lâm nghiệp bền vững. Ưu tiên đầu tư vào phát triển trồng rừng (các loại cây gỗ lớn có giá trị cao) phù hợp với đặc thù địa phương.

- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường.

- Định hướng phát triển rừng trồng theo phương thức giao đất, giao rừng, phát triển các loại cây dược liệu dưới tán cây trồng xen kẽ trên diện tích rừng trồng mới.

- Khai thác có hiệu quả công trình thuỷ lợi để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.

- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.

- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng nước tưới cho các loại cây trồng vào mùa khô.

5.4. Chăn nuôi - thuỷ sản:

** Chăn nuôi:*

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi, đặc biệt phát triển nuôi heo, nuôi gia cầm theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại), tiếp tục phát triển đàn bò thịt thay thế dần giống bò địa phương bằng các giống bò lai tạo có năng suất cao.

- Tận dụng các diện tích đất nông nghiệp nhỏ lẻ xen kẽ trong khu dân cư, những diện tích đất nông nghiệp nhỏ ở bìa rừng, các bờ đất nông nghiệp...để trồng cỏ tạo thêm nguồn thức ăn cho chăn nuôi đại gia súc.

- Nâng cao thể trọng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm thông qua công tác lai tạo và lựa chọn giống.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, đặc biệt chú ý đến bệnh lỡ mồm long móng, bệnh tụ huyết cầu, dịch tai xanh, dịch cúm... là những loại dịch bệnh gây tác hại rất lớn đến các đàn gia súc, gia cầm sớm được thanh toán. Phấn đấu hàng năm 100% đàn lợn, đàn trâu bò được tiêm phòng theo quy định.

** Thủy sản:*

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước các ao hồ, kết hợp diện tích mặt nước lòng Hồ Thủy điện Hà Tây và vận dụng đất thấp ven suối, kênh mương xây dựng ao nuôi thủy sản, với các loài có giá trị kinh tế cao như: Cá, lươn, ếch... Đáp ứng nhu cầu làm hàng hóa trong vùng, tăng thu nhập cho hộ gia đình.

5.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương như: xay xát lương thực, mộc dân dụng, giết mổ gia súc… nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

5.6. Phát triển Thương mại - Dịch vụ du lịch:

- Đầu tư xây dựng mới chợ trung tâm xã thành chợ loại III để tạo điều kiện cho mua bán và trao đổi hàng hoá nông sản của nhân dân;

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi, cũng như áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước ở mức cao nhất cho hộ kinh doanh lĩnh vực thương mại mở rộng ngành nghề kinh doanh và mở rộng thêm các cơ sở kinh doanh.

6. Định hướng tổ chức không gian xã:

- Xác định 02 khu vực trung tâm cho toàn xã là khu trung tâm hành chính kết hợp khu dân cư làng Tuêk nằm về phía Tây xã, bao gồm các công trình hành chính, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ, đây là khu trung tâm chính của xã. Khu trung tâm thứ 02 bao gồm các làng Mor, làng Krăh, làng Om, đây là khu dân cư mật độ tương đối cao, kết hợp với các dịch vụ thương mại đi kèm. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có các khu vực dịch vụ du lịch như: khu vực lòng Hồ thủy điện Hà Tây phía Đông kết hợp với làng Hde, thác nước, đập thủy lợi làng Mor. Đây là những tiềm năng khai thác phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

6.1. Đối với trung tâm xã:

- Quy hoạch các quỹ đất Chợ, Công an xã, Bưu điện xã trên trục Quốc lộ 19D, gần Ủy ban nhân dân xã.

- Các công trình giáo dục như: Trường mẫu giáo, THCS, THPT, và các công trình về văn hóa thể dục thể thao, sinh hoạt cộng đồng, hoa viên cây xanh cấp xã quy hoạch trên trục đường liên thôn đi xã Hà Tây.

- Định hướng kết nối giao thông từ đường liên thôn qua đường liên xã ĐăkTơ Ver - Hà Tây nhằm khai thác quỹ đất hỗn hợp phía Bắc Ủy ban nhân dân xã dọc theo suối, tiếp giáp với xã Hà Tây. Bên cạnh đó phát triển các khu dân cư đi kèm.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng chủ yếu chỉnh trang và định hướng mở mới một số tuyến đường giao thông nội làng để phát triển thêm các khu dân cư cho làng Tuêk, cũng như khu trung tâm xã.

6.2. Đối với các thôn làng:

** Đối với khu dân cư các làng Mor, làng Om, làng Krăh:*

- Quy hoạch mới một số tuyến đường mở rộng các khu dân cư cho 3 làng.

- Quy hoạch đất thể dục thể thao, hoa viên cây xanh, khu sinh hoạt cộng đồng chung cho 3 làng.

- Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (trạm xăng dầu) nằm trên Quốc lộ 19D.

** Đối với làng Hde:*

- Định hướng phát triển thêm dân cư cho làng dọc theo tuyến đường liên thôn.

- Quy hoạch khu thể dục thể thao, hoa viên cây xanh vui chơi cho làng tại khu vực ngã ba đầu làng.

- Định hướng đất mặt nước lòng hồ tại khu vực làng là nơi nuôi trồng thủy sản.

6.3. Định hướng về giao thông:

- Quy hoạch tuyến đường nội đồng từ trung tâm xã đi qua xã Hà Tây và về lại khu vực làng Mor, làng Krăh là tuyến đường liên thôn có chỉ giới 15m, nhằm kết nối giao thông liên vùng với xã Hà Tây.

- Quy hoạch hai tuyến đường liên xã: Một là tuyến đường từ làng Om, hai là tuyến đường từ làng Hde đi về phía Bắc qua xã Hà Tây có chỉ giới là 20m.

- Quy hoạch mới tuyến đường liên thôn, kết nối từ làng Mor, Krăh qua làng

Hde có chỉ giới 15m.

- Quy hoạch mới một số tuyến đường nội đồng để kết nối ra các khu sản xuất của các làng, cũng như các tuyến đường trục chính của xã (các đường nội đồng có chỉ giới 8m - 10m).

- Quy hoạch mới tuyến đường nối từ khu trung tâm xã đi đường liên xã ĐakTơVer - Hà Tây, chỉ giới 20m.

6.4. Đối với các khu vực chức năng khác của xã:

- Quy hoạch nghĩa trang xã khoảng hơn 3ha, tại khu vực giáp với xã Hà Tây.
- Quy hoạch bãi rác xã với quy mô 01ha, gần Nghĩa trang xã.
- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại phía Đông xã.
- Quy hoạch các quỹ đất Thương mại - Dịch vụ trên trục đường Quốc lộ 19D, tại khu vực đỉnh đầu Đèo làng Mor và khu vực phía Đông xã giáp với cầu Đăk Pơ Tang xã Đăk Sơ Mei huyện Đăk Đoa.
- Quy hoạch khai thác cảnh quan khu vực xung quanh đập thủy lợi, thác nước làng Mor.
- Một số quỹ đất khác như: Trạm gác quản lý Bảo vệ Rừng, Thao trường bắn của xã...quy hoạch gần khu trung tâm xã, và cách xa khu dân cư.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối:

7.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

7.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

7.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống hoặc mương thoát nước cho khu vực trung tâm xã, các khu vực dân cư có từ 20 hộ gia đình sống tập trung trở lên.
- Chọn chủng loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông ngoài khu dân cư, thiết diện hình thang, kết cấu xây gạch đá.
- Các tuyến cống chính dùng chủng loại cống hộp BTCT hoặc xây đá có nắp đan BTCT.
- Các tuyến cống trong làng xây đá chẻ có nắp đan BTCT.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Khu vực trung tâm xã chọn chủng loại cống hộp, thiết diện 400x600-800x1000 độ dốc dọc cống i =0,3% (đảm bảo: I min >1/D).

7.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

Stt	Tên loại đường	Tên mặt cắt	Lòng đường (m)	Vỉa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)
1	Đường Quốc lộ 19D	1 - 1	10,5	9,75 x 2	30,0
2	Đường Liên xã	2 - 2	10,5	4,75	20,0
3	Đường liên thôn, liên làng	3 - 3	7,5	3,75	15,0

4	Đường ngõ xóm	4 - 4	7,5	2,0	11,5
5	Đường đi khu sản xuất	5 - 5	3,0	2,0	7,0

7.3. Quy hoạch cấp điện:

7.3.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

Bảng dự báo nhu cầu cấp điện

Stt	Chỉ tiêu sử dụng điện	Hiện trạng dân số (người)	Định hướng đến năm 2025				Định hướng đến năm 2030			
			Dân số (người)	Tỷ lệ sử dụng điện (%)	Tiêu chuẩn cấp điện	Nhu cầu Cấp điện (KW)	Dân số (người)	Tỷ lệ sử dụng điện (%)	Tiêu chuẩn cấp điện	Nhu cầu Cấp điện (KW)
1	Cấp điện sinh hoạt	2.702	3.113	100%	150 (W/Người)	470	3.759	100%	150 (W/Người)	564
2	Cấp điện công trình công cộng				15%	71			15%	71
3	Cấp điện chiếu sáng giao thông				10 (Kw/Ha)	754			10 (Kw/Ha)	780
4	Dự phòng				10%	130			10%	142
5	Tổng công suất phụ tải					1.425				1.557
6	Hệ số cosφ					0,8				0,8
7	**Tổng công suất TBA**					**1.247**				**1.362**

7.3.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện

** Nguồn cấp điện:*

- Nguồn cấp điện từ xuất tuyến 476/BHO nhánh rẽ Ia Khươl Hà Tây từ trạm biến áp trung gian 110KV Biển Hồ, do điện lực Chư Păh quản lý và vận hành. Trong giai đoạn đến năm 2025, dự kiến cải tạo toàn bộ lưới điện hiện có trên địa bàn xã thành lưới điện 22KV.

** Trạm biến áp:*

- Hiện trạng xã có 06 TBA với tổng công suất cấp điện 329KVA.

- Quy hoạch mới các TBA 22/0,4KV công suất từ 50-100KV, nâng cấp cải tạo các trạm hiện có, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các làng hiện có và đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho các khu dân cư mới trên địa bàn xã cũng như phục vụ đến các khu sản xuất tập trung.

** Đường dây điện 22KV:*

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã thành lưới điện 22KV với tổng chiều dài đường dây 12,5km và quy hoạch mới khoảng 3,0Km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

** Đường dây điện 0,4KV:*

- Chỉnh trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Quy hoạch mới các tuyến cấp

điện đến các khu dân cư giãn dân, khu sản xuất. Dự kiến đầu tư mới khoảng 7,8 km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

** Chiếu sáng giao thông:*

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Chiếu sáng không gian công cộng, chiếu sáng quảng cáo, trang trí phải bảo đảm các yêu cầu về ánh sáng, an toàn góp phần bảo vệ an ninh. Hệ thống chiếu sáng công cộng được quản lý và điều khiển bằng tủ điều khiển chiếu sáng công cộng.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

7.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước:

Bảng dự báo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt

Stt	Đối tượng cấp nước	Hiện trạng dân số (người)	Định hướng đến năm 2025				Định hướng đến năm 2030			
			Dân số (người)	Tỷ lệ sử dụng NSH (%)	Tiêu chuẩn cấp NSH (l/người/ng.đ)	Nhu cầu NSH (m3/ng.đ)	Dân số (người)	Tỷ lệ sử dụng NSH (%)	Tiêu chuẩn cấp NSH (l/người/ng.đ)	Nhu cầu NSH (m3/ng.đ)
1	Nước sinh hoạt	2.702	3.133	100%	40	125	3.759	100%	60	226
2	CTCC (≥10% NSH)				10%	13			10%	23
3	Nước cấp cho dịch vụ, sản xuất				8%	10			8%	18
4	Dự phòng				10%	15			10%	27
	Tổng:					**163**				**294**

**Nguồn nước:*

- Nguồn nước ngầm: Theo bản đồ phân bố nước ngầm tỷ lệ:1/100.000 của đề tài độc lập cấp nước mã số KX-ĐL 05-95 Sở Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Gia Lai, huyện Chư Păh nói chung và xã ĐăkTơVer nói riêng là một vùng thuộc khu vực có điều kiện tương đối thuận lợi về sử dụng nước ngầm. Mô đun dòng chảy ngầm < 0.51s/km2, mực nước ngầm trong huyện có độ sâu không đều 5-20m.

+ Chọn nước ngầm tầng sâu làm nguồn chính khai thác cấp cho trạm xử lý nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

**Giải pháp quy hoạch:*

- Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan đường kính nhỏ có công trình lọc nước gia đình đúng kỹ thuật.

- Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước hoàn chỉnh.

**Công trình đầu mối:*

+ Giai đoạn trước mắt: tạm thời sử dụng giếng đào, giếng khoan đường kính nhỏ cấp nước cho nhu cầu dân sinh, cần phải hướng dẫn các hộ gia đình xử lý nước trước khi dùng bằng bể lọc gia đình.

+ Giai đoạn đến năm 2025: Nhu cầu dùng nước là 163 m3/ngày-đêm. Xây dựng các trạm xử lý có tổng công suất 200 m3/ngày-đêm, khai thác nguồn nước mặt từ các suối, mạch nước ngầm có lưu lượng ổn định. Nước sau khi xử lý nước được bơm vào mạng lưới đường ống cấp cho các khu vực dân cư và công trình công cộng. Các thôn, làng còn lại sử dụng hệ thống nước giếng khoan và giếng đào hợp vệ sinh.

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nhu cầu dùng nước là 294 m3/ngày-đêm, cần mở rộng nâng cấp các trạm xử lý nước để nâng khả năng cung cấp phục vụ nhu cầu, đồng thời mở rộng mạng lưới đường ống chính đưa nước đến các điểm dân cư mở rộng và các công trình công cộng mới.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

7.5.1. Tổng lưu lượng nước thải:

Bảng dự báo lưu lượng nước thải

BẢNG DỰ BÁO LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI										
stt	**Nguồn nước thải**	Hiện trạng dân số (người)	**Định hướng đến năm 2025**				**Định hướng đến năm 2030**			
			Dân số (người)	Tỷ lệ Thu gom nước thải (%)	Tiêu chuẩn thải nước (l/người/ng.đ)	Lưu lượng nước thải (m3/ng.đ)	Dân số (người)	Tỷ lệ Thu gom nước thải (%)	Tiêu chuẩn thải nước (l/người/ng.đ)	Lưu lượng nước thải (m3/ng.đ)
1	Nước thải sinh hoạt	2.702	3.133	60%	60	113	3.759	80%	80	241
2	Nước thải CTCC				10%	11			10%	24
3	Nước thải dịch vụ, sản xuất				8%	9			8%	18
	Tổng:					**133**				**283**

7.5.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

Bảng dự báo nhu cầu, khối lượng rác thải

TT	Các đối tượng thải rác	Hiện trạng dân số (người)	Quy hoạch đến năm 2025				Quy hoạch đến năm 2030			
			Dân số (người)	Tỷ lệ thu gom CTR (%)	Tiêu chuẩn CTR (kg/người/ng.đ)	Khối lượng CTR (kg/ng.đ)	Dân số (người)	Tỷ lệ thu gom CTR (%)	Tiêu chuẩn CTR (kg/người/ng.đ)	Khối lượng CTR (kg/ng.đ)
1	CTR sinh hoạt	2.702	3.133	70%	0,6	1.316	3.759	85%	0,8	2.556
2	CTR Công trình công cộng				5%	66			5%	128
3	CTR dịch vụ, sản xuất				10%	132			10%	256
	Tổng:					**1.514**				**2.940**

7.5.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

** Thoát nước bẩn:* Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung, Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

** Chất thải rắn:*

- Giai đoạn trước mắt:

+ Bố trí điểm chôn lấp hợp vệ sinh CTR cho toàn xã tại khu vực phía Đông trung tâm xã gần nghĩa trang xã diện tích: 3ha.

+ Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các xóm được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 5 bể chứa CTR cho các thôn trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Đến năm 2030:

+ Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

7.6. Về Nghĩa trang:

- Định hướng nghĩa trang các thôn làng có diện tích 1-2 ha.

- Đối với các thôn, làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa trang, xây dựng đường đi, mộ chí xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp tôn nghiêm.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

8.1. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn làng và các tuyến trục thôn, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

8.2. Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: *(có quy định cụ thể kèm theo riêng).*

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

- Giai đoạn đầu: 2021-2025.
- Giai đoạn sau: 2025-2030.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đăktơver khóa VI, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT HĐND – UBND huyện;
- Đảng ủy xã;
- Hai ban HĐND xã;
- UBMT - Đoàn thể xã;
- Các vị ĐB HĐND xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Rơ Châm Yung